

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH Bắc Giang, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 về sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ nội dung biên bản họp ngày 12/10/2020 của Hội đồng thi cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 04/10/2020;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh sách 103 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 04/10/2020.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

Điều 2. Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quang Hà

DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
(Ban hành kèm theo QĐ số /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày tháng năm 2020 của
Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
1	CNTT01	Chu Thị Lan	Anh	10/06/1986	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	5,0	Đạt
2	CNTT02	Tô Thị	Bậm	18/01/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	5,5	Đạt
3	CNTT03	Nông Thanh	Chuẩn	26/11/1993	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,0	5,0	Đạt
4	CNTT04	Nông Văn	Dur	20/04/1976	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	5,0	Đạt
5	CNTT05	Triệu Thị	Ghền	03/03/1989	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,7	6,0	Đạt
6	CNTT06	Triệu Thị	Hiền	19/08/1991	Bắc Kạn	Nữ	Dao	7,2	5,5	Đạt
7	CNTT07	Nông Thu	Hoài	28/07/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	5,0	Đạt
8	CNTT08	Hồ Văn	Hoàn	03/09/1967	Lạng Sơn	Nam	Mông	6,5	6,0	Đạt
9	CNTT09	Thạch Thu	Hồng	25/09/1984	Lạng Sơn	Nữ	Mông	7,0	6,0	Đạt
10	CNTT10	Trần Quang	Huy	17/10/1982	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,0	Đạt
11	CNTT11	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	13/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	6,7	5,5	Đạt
12	CNTT12	Phạm Tuấn	Linh	25/12/1990	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	Đạt
13	CNTT13	Nguyễn Thị	Mơ	13/11/1981	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,0	6,5	Đạt
14	CNTT15	Lương Dương	Nguyễn	07/05/1994	Lạng Sơn	Nam	Mông	7,2	7,0	Đạt
15	CNTT16	Ma Thị	Nguyệt	19/11/1996	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
16	CNTT17	Hứa Thị	Nhung	20/10/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	Đạt
17	CNTT18	Lương Thị	Phượng	17/02/1979	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,5	6,0	Đạt
18	CNTT19	Triệu Thị	Sỹ	15/02/1981	Lạng Sơn	Nữ	Dao	6,5	7,0	Đạt
19	CNTT20	Nông Ngọc	Tâm	23/01/1972	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,7	6,5	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
20	CNTT21	Nông Thị	Tấm	13/02/1984	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,5	Đạt
21	CNTT22	Bế Thị	Thanh	05/05/1985	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt
22	CNTT23	Nông Thị	Thảo	19/10/1981	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	6,5	Đạt
23	CNTT24	Nông Thị	Thời	15/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt
24	CNTT25	Lương Thành	Thực	13/09/1975	Lạng Sơn	Nam	Mông	6,5	7,0	Đạt
25	CNTT26	Nông Thị	Thương	07/06/1991	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	6,5	Đạt
26	CNTT27	Nguyễn Ngọc	Trúc	07/04/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,2	7,0	Đạt
27	CNTT29	Lăng Ngọc	Tú	19/05/1990	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	6,5	Đạt
28	CNTT30	Hoàng Văn	Tùng	10/07/1985	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,5	7,5	Đạt
29	CNTT31	Vi Ái	Vân	14/10/1993	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,5	Đạt
30	CNTT32	Lương Thị	Yên	04/05/1988	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,0	7,0	Đạt
31	CNTT33	Nguyễn Phương	Anh	14/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	Đạt
32	CNTT34	Chu Thị Ngọc	Ánh	08/03/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	Đạt
33	CNTT35	Hoàng Minh	Chiến	25/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
34	CNTT36	Nguyễn Văn	Chiều	24/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
35	CNTT37	La Văn	Công	16/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
36	CNTT38	Lý Thị Bích	Diệp	06/07/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt
37	CNTT39	Âu Đức	Duy	09/10/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
38	CNTT40	Nông Quốc	Duy	01/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	Đạt
39	CNTT41	Liễu Ngụy	Đào	05/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
40	CNTT42	Nông Thị	Đào	05/09/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,0	Đạt
41	CNTT43	Bế Viết	Đình	10/01/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
42	CNTT44	Triệu Văn	Đức	06/04/1981	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	5,0	Đạt
43	CNTT45	Nông Văn	Gia	26/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
44	CNTT46	Nguyễn Thị	Hà	15/06/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	5,5	Đạt
45	CNTT47	Hoàng Văn	Hào	26/08/1990	Thái Nguyên	Nam	Kinh	7,0	5,5	Đạt
46	CNTT48	Bế Thị	Hào	19/06/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	Đạt
47	CNTT49	Lương Thị	Hằng	05/12/1982	Lạng Sơn	Nữ	Tày	6,7	6,0	Đạt
48	CNTT50	Bế Đức	Hậu	18/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
49	CNTT51	Trần Thành	Hiệp	14/09/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
50	CNTT52	Hà Minh	Hiếu	05/01/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
51	CNTT53	Nông Văn	Hiếu	09/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
52	CNTT54	Trần Hà	Hiếu	01/04/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	6,0	5,5	Đạt
53	CNTT55	Mã Văn	Hiếu	15/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
54	CNTT56	Nguy Văn	Hoàng	22/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
55	CNTT57	Hứa Ngọc	Huân	06/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,2	5,5	Đạt
56	CNTT58	Lương Tuấn	Hùng	21/10/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	Đạt
57	CNTT59	Trần Quang	Huy	30/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
58	CNTT60	Nguyễn Đình	Huyền	13/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
59	CNTT61	Mạc Xuân	Huỳnh	23/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
60	CNTT62	Lăng Viết	Huỳnh	15/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
61	CNTT63	Đàm Quang	Hưng	20/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
62	CNTT64	Hà Văn	Hưng	08/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
63	CNTT65	Nguyễn Thành	Hưng	29/12/2004	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
64	CNTT66	Bế Chí	Hường	21/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	5,5	Đạt
65	CNTT67	Nông Tuấn	Khanh	26/12/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,5	Đạt
66	CNTT68	Vy Văn	Khánh	26/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
67	CNTT69	Hứa Văn	Khiêm	06/06/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
68	CNTT70	Đặng Hồng	Linh	10/11/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,0	6,5	Đạt
69	CNTT71	Triệu Văn	Lượng	04/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
70	CNTT72	Đặng Văn	Nam	05/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
71	CNTT73	Bế Yến	Nhi	20/01/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt
72	CNTT74	Lý Thị Yến	Nhi	30/05/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	Đạt
73	CNTT75	Lăng Thị Hồng	Oanh	05/12/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	Đạt
74	CNTT76	Vy Văn	Phong	27/04/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
75	CNTT77	Ma Văn	Phước	11/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
76	CNTT78	Hoàng Thu	Phượng	24/06/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	Đạt
77	CNTT79	Bế Viết	Quán	12/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	Đạt
78	CNTT80	Hoàng Minh	Quân	23/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	5,0	Đạt
79	CNTT81	Mã Thanh	Quỳnh	01/08/2004	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,0	6,0	Đạt
80	CNTT82	Dương Ký	Slin	20/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	Đạt
81	CNTT83	Hoàng Minh	Son	21/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	Đạt
82	CNTT84	Đàm Văn	Sỹ	16/05/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	Đạt
83	CNTT85	Hoàng Duy	Thái	09/07/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	Đạt
84	CNTT86	Chu Văn	Thanh	26/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	Đạt
85	CNTT87	Hứa Thị Mỹ	Thanh	29/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	Đạt

TT	Số báo danh	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Kết quả
								Trắc nghiệm	Thực hành	
86	CNTT88	Bế Thị Phương	Thảo	01/02/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	Đạt
87	CNTT89	Hoàng Bích	Thảo	14/01/2005	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	Đạt
88	CNTT90	Trần Hương	Thảo	18/10/2005	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,0	5,5	Đạt
89	CNTT91	Nông Vinh	Thông	12/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt
90	CNTT92	Hoàng Minh	Thương	28/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	Đạt
91	CNTT93	Lăng Thị	Diện	30/05/1981	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,5	Đạt
92	CNTT94	Tô Văn	Tiếp	02/02/2004	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	Đạt
93	CNTT95	Chu Văn	Toán	04/02/1994	Lạng Sơn	Nam	Tày	7,5	7,5	Đạt
94	CNTT96	Hoàng Văn	Toán	25/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
95	CNTT97	Hứa Văn	Toán	11/03/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	5,5	Đạt
96	CNTT98	Đinh Văn	Trung	12/06/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,0	6,0	Đạt
97	CNTT99	Nguyễn Việt	Trung	19/05/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,7	7,0	Đạt
98	CNTT100	Ngô Xuân	Trường	20/08/1992	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,5	7,0	Đạt
99	CNTT101	Chu Văn	Tú	02/09/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,0	6,0	Đạt
100	CNTT102	Nông Minh Anh	Tuấn	20/10/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,0	Đạt
101	CNTT104	Mông Gia	Tuyển	08/11/2005	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	Đạt
102	CNTT105	Nông Đức	Việt	22/02/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,5	Đạt
103	CNTT106	Đoạn Huy	Vũ	30/08/2005	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	5,0	Đạt

Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 103./.